

Bước phát triển của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1951 – 1953)

Bước sang giai đoạn từ năm 1951 đến năm 1953, cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp, có sự giúp đỡ của đế quốc Mĩ, được đẩy mạnh ; lực lượng kháng chiến của ta trưởng thành mọi mặt, quân dân ta giành nhiều thắng lợi to lớn và toàn diện.

I – THỰC DÂN PHÁP TIẾP TỤC ĐẨY MẠNH CHIẾN TRANH XÂM LƯỢC ĐÔNG DƯƠNG

1. Mĩ can thiệp sâu vào cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương

Từ tháng 5 – 1949, Mĩ từng bước can thiệp sâu vào cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương.

Ngày 23 – 12 – 1950, Mĩ kí với Pháp *Hiệp định phòng thủ chung Đông Dương*. Đây là hiệp định viện trợ quân sự, kinh tế – tài chính của Mĩ cho Pháp và tay sai, qua đó Mĩ từng bước thay chân Pháp ở Đông Dương.

Tháng 9 – 1951, Mĩ kí với Bảo Đại *Hiệp ước hợp tác kinh tế Việt – Mĩ* nhằm trực tiếp ràng buộc Chính phủ Bảo Đại vào Mĩ.

Sau những hiệp định này, viện trợ của Mĩ chiếm tỉ lệ ngày càng cao trong ngân sách chiến tranh của Pháp ở Đông Dương : Năm 1950 là 52 tỉ phrăng, chiếm 19% ngân sách ; năm 1954 là 555 tỉ phrăng, chiếm 73% ngân sách. Các phái đoàn viện trợ kinh tế, cố vấn quân sự... của Mĩ đến Việt Nam ngày càng nhiều. Các trung tâm và các trường huấn luyện của Mĩ bắt đầu tuyển chọn, đưa người Việt Nam sang học ở Mĩ.

2. Kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi

Ngày 6 – 12 – 1950, Chính phủ Pháp cử Đại tướng Đờ Lát đơ Tátxinhi làm Tổng chỉ huy quân đội viễn chinh, kiêm Cao uỷ Pháp ở Đông Dương. Dựa vào viện trợ Mĩ, lại có quyền lực tập trung trong tay, Đờ Lát đơ Tátxinhi đề ra kế hoạch mới nhằm kết thúc nhanh chiến tranh.

Kế hoạch gồm bốn điểm chính :

- Gấp rút tập trung quân Âu - Phi nhằm xây dựng một lực lượng cơ động chiến lược mạnh, đồng thời ra sức phát triển nguy quân để xây dựng "quân đội quốc gia".
- Xây dựng phòng tuyến công sự bằng xi măng cốt sắt (boong ke), thành lập "vành đai trắng" bao quanh trung du và đồng bằng Bắc Bộ nhằm ngăn chặn chủ lực của ta và kiểm soát ta đưa nhân, tài, vật lực ra vùng tự do.
- Tiến hành "chiến tranh tổng lực", bình định vùng tạm chiếm, vơ vét sức người ; sức của của nhân dân ta để tăng cường lực lượng của chúng.
- Đánh phá hậu phương của ta bằng biệt kích, thổ phi, gián điệp, kết hợp oanh tạc bằng phi pháo với chiến tranh tâm lý, chiến tranh kinh tế.

Kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi đã đưa cuộc chiến tranh xâm lược của Pháp ở Đông Dương lên quy mô lớn, làm cho cuộc kháng chiến của nhân dân ta, nhất là ở vùng sau lưng địch, trở nên khó khăn, phức tạp.



Trình bày âm mưu và hành động mới của Pháp - Mĩ từ sau thất bại ở chiến dịch Biên giới thu - đông năm 1950.

II – ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU LẦN THỨ II CỦA ĐẢNG (2 – 1951)

Từ ngày 11 đến ngày 19 – 2 – 1951, Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng Cộng sản Đông Dương họp ở xã Vinh Quang, huyện Chiêm Hoá (Tuyên Quang). Dự Đại hội có 158 đại biểu chính thức, 53 đại biểu dự khuyết, thay mặt cho hơn 76 vạn đảng viên.

Đại hội thông qua hai bản báo cáo quan trọng :

"Báo cáo Chính trị" do Chủ tịch Hồ Chí Minh trình bày đã tổng kết kinh nghiệm của Đảng qua các chặng đường lịch sử đấu tranh oanh liệt từ ngày ra đời, khẳng định đường lối kháng chiến chống Pháp của Đảng.

Báo cáo "Bàn về cách mạng Việt Nam" do Tổng Bí thư Trường Chinh trình bày nêu rõ nhiệm vụ cơ bản của cách mạng Việt Nam là đánh đuổi bọn đế quốc xâm lược, giành độc lập và thống nhất hoàn toàn cho dân tộc, xoá bỏ những tàn tích phong kiến và nửa phong kiến, làm cho người cày có ruộng, phát triển chế độ dân chủ nhân dân, gây cơ sở cho chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.



Hình 61. Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng (2 – 1951)

Đại hội quyết định tách Đảng Cộng sản Đông Dương để thành lập ở Việt Nam, Lào, Campuchia mỗi nước một Đảng Mác – Lênin riêng, có cương lĩnh phù hợp với đặc điểm phát triển của từng dân tộc. Ở Việt Nam, Đại hội quyết định đưa Đảng ra hoạt động công khai, với tên mới là Đảng Lao động Việt Nam, tiếp tục đảm nhiệm sứ mệnh lịch sử lãnh đạo cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam.

Đại hội thông qua *Tuyên ngôn, Chính cương, Điều lệ mới*; quyết định xuất bản báo *Nhân dân*, cơ quan ngôn luận của Trung ương Đảng.

Đại hội bầu ra Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị. Hồ Chí Minh được bầu làm Chủ tịch Đảng, Trường Chinh được bầu lại làm Tổng Bí thư của Đảng.

Đại hội đại biểu lần thứ II là mốc đánh dấu bước phát triển mới trong quá trình lãnh đạo và trưởng thành của Đảng ta, là "Đại hội kháng chiến thắng lợi".



Nêu những quyết định chính và ý nghĩa lịch sử của Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng (2 – 1951).

III – HẬU PHƯƠNG KHÁNG CHIẾN PHÁT TRIỂN MỌI MẶT

1. Về chính trị

Từ ngày 3 đến ngày 7 – 3 – 1951, đã diễn ra Đại hội toàn quốc thống nhất Mặt trận Việt Minh và Hội Liên Việt thành một mặt trận duy nhất, lấy tên là *Mặt trận Liên hiệp quốc dân Việt Nam* (Mặt trận Liên Việt), do Tôn Đức Thắng làm Chủ tịch, Hồ Chí Minh làm Chủ tịch danh dự.



Hình 62. Các đại biểu dự Đại hội thống nhất Mặt trận Việt Minh – Liên Việt (1951)

Ngày 11 – 3 – 1951, Mặt trận Liên Việt, Mặt trận Khome Itxarác, Mặt trận Lào Itxala họp Hội nghị đại biểu để thành lập *Liên minh nhân dân Việt – Miên – Lào*. Liên minh thành lập đã tăng cường hơn nữa tình đoàn kết giữa nhân dân ba nước trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù chung là thực dân Pháp và can thiệp Mĩ.

Phong trào thi đua yêu nước ngày càng ăn sâu, lan rộng trong các ngành, các giới, làm nảy nở nhiều đơn vị, cá nhân ưu tú. Ngày 1 – 5 – 1952, Đại hội Chiến sĩ thi đua và Cán bộ gương mẫu toàn quốc lần thứ nhất đã tổng kết, biểu dương thành tích của phong trào thi đua yêu nước và bầu chọn 7 anh hùng : *Cù Chính Lan, La Văn Cầu, Nguyễn Quốc Trị, Nguyễn Thị Chiên, Ngô Gia Khảm, Trần Đại Nghĩa, Hoàng Hanh*.

2. Về kinh tế

Năm 1952, Chính phủ mở cuộc vận động lao động sản xuất và thực hành tiết kiệm. Cuộc vận động đã lôi cuốn mọi ngành, mọi giới tham gia. Năm 1953, vùng tự do và vùng căn cứ du kích từ Liên khu IV trở ra đã sản xuất được 2 757 000 tấn thóc và hơn 650 000 tấn hoa màu.

Sản xuất thủ công nghiệp và công nghiệp về cơ bản đáp ứng được những nhu cầu về công cụ sản xuất và những mặt hàng thiết yếu của đời sống. Năm 1953, ta sản xuất được 3 500 tấn vũ khí đạn dược, cung cấp tạm đủ cho bộ đội về thuốc men, quân trang, quân dụng.

Đi đôi với đẩy mạnh sản xuất, Chính phủ đề ra những chính sách nhằm chấn chỉnh chế độ thuế khoá, xây dựng nền tài chính, ngân hàng và thương nghiệp.

Để bồi dưỡng sức dân, nhất là nông dân, đầu năm 1953 Đảng và Chính phủ quyết định phát động quần chúng triệt để giảm tô và cải cách ruộng đất.

Từ tháng 4 – 1953 đến tháng 7 – 1954, ta thực hiện 5 đợt giảm tô và 1 đợt cải cách ruộng đất ở 53 xã thuộc vùng tự do Thái Nguyên, Thanh Hoá.

Đến cuối năm 1953, từ Liên khu IV trở ra, chính quyền cách mạng đã tạm cấp cho nông dân 184 000 héc-ta ruộng đất.

3. Về văn hoá, giáo dục, y tế

Ta tiếp tục cuộc cải cách giáo dục (từ năm 1950) thực hiện theo ba phương châm : *phục vụ kháng chiến, phục vụ dân sinh, phục vụ sản xuất*, gắn nhà trường với đời sống xã hội.

Tính đến năm 1952, ở các liên khu Việt Bắc, III, IV và V đã có trên 1 triệu học sinh phổ thông. Phong trào Bình dân học vụ đạt kết quả tốt, đến năm 1952 có khoảng 14 triệu người thoát nạn mù chữ ; công tác bổ túc văn hoá, đến tháng 9 – 1953, đã có 10 450 lớp học với 335 946 học viên.

Văn nghệ sĩ hăng hái thâm nhập mọi mặt của đời sống, chiến đấu và sản xuất, thực hiện lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh "*Kháng chiến hoá văn hoá và văn hoá hoá kháng chiến*".

Công tác vận động vệ sinh phòng bệnh, thực hiện đời sống mới, bài trừ mê tín dị đoan ngày càng mang tính chất quần chúng rộng lớn.

Công tác chăm lo sức khoẻ cho nhân dân được coi trọng. Bệnh viện, bệnh xá, phòng y tế, trạm cứu thương được xây dựng nhiều nơi.



Từ sau chiến thắng Biên giới thu – đông năm 1950 đến trước đông – xuân 1953 – 1954, hậu phương kháng chiến đã phát triển như thế nào trên các mặt chính trị, kinh tế, văn hoá, giáo dục, y tế ?

IV – NHỮNG CHIẾN DỊCH TIẾN CÔNG GIỮ VỮNG QUYỀN CHỦ ĐỘNG TRÊN CHIẾN TRƯỜNG

1. Các chiến dịch ở trung du và đồng bằng Bắc Bộ (cuối năm 1950 đến giữa năm 1951)

Để giữ vững quyền chủ động chiến lược trên chiến trường chính Bắc Bộ và đẩy địch lùi sâu vào thế bị động đối phó, trong thời gian từ cuối năm 1950 đến giữa năm 1951, quân ta liên tục mở 3 chiến dịch : chiến dịch Trần Hưng Đạo (chiến dịch Trung du), chiến dịch Hoàng Hoa Thám (chiến dịch Đường số 18) và chiến dịch Quang Trung (chiến dịch Hà – Nam – Ninh).

Đây là những chiến dịch tiến công quy mô lớn của quân ta đánh vào phòng tuyến kiên cố của địch ở trung du và đồng bằng, đã loại khỏi vòng chiến đấu nhiều sinh lực địch, phá vỡ từng mảng kế hoạch bình định của chúng. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân và do lựa chọn địa bàn 3 chiến dịch chưa phù hợp với khả năng tác chiến của bộ đội ta, mà có lợi cho địch, nên kết quả chiến đấu bị hạn chế.

Với phương châm chiến lược "*Đánh chắc thắng*" và phương hướng chiến lược "*Tránh chỗ mạnh, đánh chỗ yếu*", ta chủ trương mở những chiến dịch tiếp theo ở rừng núi.

2. Chiến dịch Hoà Bình đông – xuân 1951 – 1952

Hoà Bình là cửa ngõ nối liền vùng tự do với vùng đồng bằng Bắc Bộ qua Chợ Bến, là mạch máu giao thông giữa Việt Bắc với Liên khu IV.

Ngày 9 – 11 – 1951, Đờ Lát đơ Tátxinhi sử dụng một lực lượng lớn quân cơ động tiến đánh Chợ Bến, đến ngày 14 – 11 đánh chiếm khu vực Hoà Bình.

Nhằm tiêu diệt sinh lực địch ở Hoà Bình, phá kế hoạch bình định của chúng ở đồng bằng Bắc Bộ và đẩy mạnh phong trào chiến tranh du kích của ta, từ giữa tháng 11 – 1951 đến cuối tháng 2 – 1952, ta mở chiến dịch phản công và tiến công địch ở Hoà Bình.

Chiến dịch Hoà Bình kết thúc sau hơn 3 tháng. Ta giải phóng hoàn toàn khu vực Hoà Bình – Sông Đà rộng 2 000 km² với 15 vạn dân. Các căn cứ du kích của ta được mở rộng, nối liền từ Bắc Giang xuống Bắc Ninh tới sát Đường số 5, qua Hưng Yên, Hải Dương, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình.

3. Chiến dịch Tây Bắc thu – đông năm 1952

Tây Bắc là vùng chiến lược quan trọng, bị địch chiếm đóng, từ đó chúng uy hiếp căn cứ Việt Bắc của ta và che chở cho vùng Thượng Lào của chúng.

Từ ngày 14 – 10 đến ngày 10 – 12 – 1952, ta mở chiến dịch Tây Bắc. Cuộc chiến đấu diễn ra ác liệt ở Mộc Châu, Thuận Châu, Lai Châu, Sơn La, Yên Bái.

Kết thúc chiến dịch, ta đã giải phóng 28 000 km² với 25 vạn dân, gồm toàn tỉnh Nghĩa Lộ, gần hết tỉnh Sơn La (trừ Nà Sản), bốn huyện ở Lai Châu, hai huyện ở Yên Bái, phá một phần âm mưu lập "xứ Thái tự trị" của địch.

4. Chiến dịch Thượng Lào xuân – hè năm 1953

Thượng Lào là vùng chiến lược quan trọng, là hậu phương an toàn của địch. Sau thất bại ở Tây Bắc (Việt Nam), địch tăng cường phòng thủ ở đây.

Đầu năm 1953, Trung ương Đảng và Chính phủ ta cùng Chính phủ kháng chiến Lào và Mặt trận Itxala thoả thuận mở chiến dịch Thượng Lào, nhằm tiêu diệt sinh lực địch, giải phóng đất đai, đẩy mạnh cuộc kháng chiến của nhân dân Lào.

Chiến dịch diễn ra từ ngày 8 – 4 đến ngày 18 – 5 – 1953. Liên quân Việt – Lào đã giải phóng toàn bộ tỉnh Sầm Nưa, một phần tỉnh Xiêng Khoảng và tỉnh Phongxalì với trên 30 vạn dân.

Phối hợp với chiến trường chính Bắc Bộ, từ năm 1951 đến năm 1953, ở các chiến trường Trung Bộ và Nam Bộ, quân dân ta đã tận dụng các hình thức chiến tranh du kích, tiêu diệt, tiêu hao nhiều sinh lực địch, phá huỷ nhiều tổ chức tề nguỵ và nhiều cơ sở kinh tế của chúng.



Chứng minh thế chủ động đánh địch trên chiến trường chính Bắc Bộ của quân ta vẫn được giữ vững sau chiến thắng Biên giới thu – đông năm 1950 đến trước đông – xuân 1953 – 1954.

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Tại sao nói sau chiến thắng Biên giới thu – đông năm 1950 cuộc kháng chiến của ta bước sang giai đoạn phát triển ?
2. Lập niên biểu những thắng lợi tiêu biểu của quân dân ta trên các mặt trận quân sự, chính trị – ngoại giao, kinh tế – tài chính trong kháng chiến chống thực dân Pháp từ sau thu – đông năm 1950 đến trước đông – xuân 1953 – 1954.